**TUẦN 2**

*Thứ 2 ngày 16 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1:

HĐTN

**XÂY DỰNG ĐÔI BẠN CÙNG TIẾN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Năng lực đặc thù:

+ NL hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

  - Nhanh chóng làm quen với các bạn học mới ở lớp 1 và ở trường tiểu học

 - Biết trò chuyện, trao đổi với các bạn cùng lớp về cảm xúc của bản thân mình.

-Có sự phấn khởi, mạnh dạn, tự tin khi làm quen, trò chuyện cùng các bạn trong lớp

    2. Phẩm chất:

     - Phẩm chất yêu nước: Biết yêu lớp học của mình như giữ vệ sinh, bảo vệ bà ghế…

   - Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

   - Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chú ý theo dõi các hoạt động theo yêu cầu của GV và của các bạn để tham gia, biết chơi trò chơi sôi nổi, vui vẻ cùng bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY –HỌC:**

 - Tranh ảnh về khung cảnh buổi gặp gỡ của HS lớp 1 với các HS trong trường tiểu học

- Những bông hoa và những món quà nhỏ phục vụ cho các hoạt động 1 và 2

- Lựa chọn một số bài hát phù hợp với HS lớp 1

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| 1.**Mở đầu:**  HD cho HS chơi trò chơi ‘Kết bạn’  -GV nhận xét và giới thiệu bài  **2.Hình thành kiến thức mới**  Hoạt động 1: Giới thiệu và làm quen  - Làm mẫu: cầm một bông hoa giới thiệu về mình (họ tên, tuổi, sở thích, thói quen).  - GV mời em lớp trưởng tự giới thiệu về bản thân mình rồi tặng hoa cho bạn khác  - Trò chơi cứ thế tiếp diễn cho đến khi hết lượt HS trong lớp.  - GV có thể gọi bất kì một HS nào đó và yêu cầu em nói tên bạn bên cạnh hoặc tên bạn lớp trưởng hay tên cô giáo  - Kết luận:Trong lớp có nhiều bạn với những đặc điểm, tính cách, sở thích khác nhau. Việc tìm hiểu về cô giáo và các bạn trong cả lớp qua các hoạt động tự giới thiệu và nhận diện nhau giúp HS tự tin trước tập thể, bước đầu tạo những gắn kết trong mối quan hệ bạn bè  Hoạt động 2: Tìm bạn cùng sở thích  GV tổ chức như sau:  -Hỏi để tìm đại diện một vài em với các sở thích khác nhau như: thích hát, thích múa, thích đá bóng, thích nhảy dây…  -Nêu hiệu lệnh “ Hãy về với bạn cùng sở thích với mình”.  - GV quan sát hoạt động của HS, giúp đỡ HS còn đang lúng túng chưa biết chọn bạn nào    Kết luận  Cần biết thể hiện sở thích của mình khi và tìm được những người bạn có sở thích giống mình để cùng chia sẻ trong cuộc sống.  3. **Vận dụng.**  - Vì sao em lại chọn bạn này?  4. *Dặn dò*: về nhà kết bạn với các bạn gần nhà hoặc các anh chị ở lớp trên. | -HS chơi  - HS tham gia hoạt động  - HS đứng thành vòng tròn,  - Lớp trưởng giới thiệu    - HS giới thiệu  Thực hiện ngoài sân trường.  Hoạt động cả lớp  - HS cùng nhau đứng ở một góc sân trường để thực hiện hoạt động.  HS tự động di chuyển về phía bạn có cùng sở thích.   * 2 em chọn bạn mình thích. * Nêu ý kiến cá nhân |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:...............................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3, 4.

TIẾNG VIỆT

**O, Ô (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái **o, ô**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **o, ô** với các mô hình “âm đầu + âm chính”: **co, cô.**

- Biết được quy trình viết các con chữ, độ cao của từng con chữ, khoảng cách giữa các con chữ.

- Đọc đúng tiếng có **o, ô** với các mô hình “âm đầu + âm chính”: **co, cô.**

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **o**, âm **ô**

- Viết được bảng con các chữ o và ô và tiếng **co, cô**.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: HS yêu thiên nhiên, yêu và bảo vệ những con vật.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập 4.

- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 5 (tập viết). Vở Bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cả lớp hát một bài.Đi học  - Thi đua tìm tiếng có âm a và âm c.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài.  **2. Hình thành kiến thức:**  *HĐ1. Dạy âm o, chữ o.*  - GV đưa lên bảng hình ảnh HS kéo co  - Đây là trò chơi gì?  - GV chỉ tiếng co.  - GV nhận xét  - GV chỉ tiếng ***co*** và mô hình tiếng ***co***  - GV hỏi: Tiếng co gồm những âm nào?  \* Đánh vần.  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp đánh vần: cờ - o- co  - Y/c hs đọc cá nhân, tổ, lớp.  - Nhận xét.  *HĐ2. Dạy âm ô, chữ ô.*  - GV đưa lên bảng hình cô giáo  - Đây là hình ai?  - GV chỉ tiếng cô  - GV chỉ tiếng cô và mô hình tiếng cô  - GV hỏi: Tiếng cô gồm những âm nào?  \* Đánh vần: cờ - ô- cô  **3. Luyện tập:**  *BT2: vừa nói tiếng có âm o vừa vỗ tay.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  - GV làm mẫu:  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm o (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  *BT 3: Tìm tiếng có âm ô.*  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng con vật, đồ vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm c (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  **TIẾT 2**  *BT4: Tìm chữ o, chữ ô*  - GV giới thiệu chữ o, chữ ô in thường ở dưới chân trang 12.  - GV giới thiệu chữ O, chữ Ô in hoa dưới chân trang 13.  - GV gắn lên bảng hình minh họa BT 4 và giới thiệu tình huống:  \* GV cho HS tìm chữ o trong bộ chữ  - GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng  - Cho học sinh nhắc lại tên chữ  \* GV cho HS tìm chữ ô trong bộ chữ  - GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng  - Cho học sinh nhắc lại tên chữ  \* Cho HS làm việc cá nhân khoanh vào chữ o trong bài tập 4 VBT  *BT5. Tập viết*  - GV cho cả lớp đọc lại 2 trang vừa học  - Yêu cầu HS lấy bảng con. Nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút, chùi bảng.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường o, ô cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ o, ô.  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết.  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét  - Cho HS viết chữ co, cô  - GV nhận xét.  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 2  - GV khuyến khích HS tập viết chữ o, ô trên bảng con | - Hát  - HS thi nhau tìm tiếng có âm a và âm c.  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: co  - HS trả lời nối tiếp:  - Quan sát và cùng làm với GV  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần. Cả lớp đánh vần.  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HSTL.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp.    - HS trả lời nối tiếp.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp.  - Học sinh lắng nghe yêu cầu.  - HS lần lượt nói tên từng con vật.  - HS nói đồng thanh  - HS làm cá nhân nối o với từng hình chứa tiếng có âm o trong vở bài tập  - HS nói to và vỗ tay tiếng có âm o.  HS nói mà không vỗ tay tiếng không có âm o.  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm o, nói thầm tiếng không có âm o.  - HS TL.  - HS theo dõi  - HS lần lượt nói tên từng con vật:  - HS nói đồng thanh (nói + vỗ tay, nói không vỗ tay)  - HS làm cá nhân nối ô với từng hình chứa tiếng có âm ô trong vở bài tập.  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm ô, nói thầm tiếng không có âm ô.  - HSTL.  - Lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS làm cá nhân tìm chữ o rồi cài vào bảng cài.  - HS giơ bảng  - HS đọc tên chữ  - HS làm cá nhân tìm chữ ô rồi cài vào bảng cài.  - HS giơ bảng  - HS đọc tên chữ  \* Làm bài cá nhân  - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS viết chữ o, ô và tiếng co, cô lên khoảng không bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ o, ô, co, cô từ 2-3 lần.  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét  - HS viết tiếng co, cô 2-3 lần  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - HS khác nhận xét  -Nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:...............................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiết 1.

**TOÁN**

**BÀI: CÁC SỐ 4, 5, 6**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1.Kiến thức, kĩ năng .

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6.

- Đọc, viết được các số 4, 5, 6.

2.Năng lực.

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc sử dụng các thẻ số để biểu thị số lượng.

-Phát triển năng lực mô hình hóa toán: Thông qua HS quan sát các hình ảnh trong sách để đếm số lượng.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tham gia chơi trò chơi sôi nổi, hứng thú.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Một số chấm tròn, hình vuông; các thẻ số từ 1 đến 6 trong bộ đồ dùng Toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Hát bài “ Một ngón tay nhúc nhích”  - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh.  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Giáo viên nhận xét chung, giới thiệu bài.  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *HĐ 1. Hình thành các số 4, 5, 6.*  \* Quan sát  - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.  - Có mấy bông hoa? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 4  - Có mấy con vịt? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 5  - Có mấy quả táo? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 6  \* Nhận biết số 4, 5, 6.  - GV yêu cầu học sinh lấy ra 4 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.  -Làm tương tự với các số khác.  *HĐ 2. Viết các số 4, 5, 6.*  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết lần lượt từng số.  - GV cho học sinh viết các số 4, 5, 6  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó.  **3. Thực hành, luyện tập:**  *Bài 1. Số ?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm  *Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)*  - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy ô vuông?  + 3 ô vuông ghi số mấy?  - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng ô vuông cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số ô vuông cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.  *Bài 3. Số?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-6 và 6-1  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **4. Vận dụng:**  *Bài 4. Số?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi  - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng học sinh nhận xét.  ? Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà luyện đếm nhiều đồ vật trong nhà ... | - Hát.  - HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm.  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  -HS thảo luận cặp đôi.  - HS đếm số con mèo và số chấm tròn  -Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  -HS đếm và trả lời yêu cầu của GV.  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - HS làm việc cá nhân  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS tập viết số.  - HS lắng nghe  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - Hoạt động nhóm đôi  + Cá nhân  + HS thay nhau chỉ vào từng hình nói.  - HS làm các phần theo hướng dẫn của giáo viên.  -Chia sẻ kết quả.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.  - HS thi đếm.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - Hoạt động nhóm đôi  + Cá nhân  + Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  - Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: Bài 3 cho HS làm bảng con.**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

CCKT

**ÔN ÂM O, Ô**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận diện được các chữ o, ô các tiếng co, cô ,cò, có, cồ, cố

- Đọc và viết đúng các tiếng co, cô ,cò, có, cồ, cố

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- GV: SGK.

HS: Bảng con, vở ô li.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.Mở đầu.**  - GV tổ chức trò chơi tìm tiếng  - GV phổ biến luật chơi  - GV nhận xét  **2. Thực hành, luyện tập.**  - Chép bài lên bảng các tiếng co, cô ,cò, có, cồ, cố  -Yêu cầu đánh vần , đọc trơn  -GV nhận xét, sửa sai.  - Đọc bài trong sách giáo khoa  - Quan sát nhận xét  3: Luyện viết  + Hướng dẫn bảng con  - GV viết mẫu:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |   Gv theo dõi và hổ trợ cho một số em viết còn yếu.    **4. Vận dụng, dặn dò**  - Về nhà các em đọc viết lại những gì em học cùng người thân  Gv nhận xét tiết học | -HS chơi    - Đánh vần theo nhóm đôi và đồng thanh.  - Đọc cá nhân , nhómđôi, đồng thanh .  - Học sinh mở sách giáo khoa  - Đọc cá nhân  - HS viết bảng con o, ô, co, có,cò, cồ, cố  -HS viết vào vở |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:..........................................................................**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ 3 ngày 17 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1,2.

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 5: CỎ, CỌ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết thanh hỏi và dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cỏ, cọ.

- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh hỏi, thanh nặng.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: HS yêu thiên nhiên, yêu và bảo vệ những cây cối.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho hs hát một bài.Đi học  - Thi đua tìm tiếng có âm o và âm ô  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *HĐ 1: Dạy tiếng cỏ*  - GV đưa tranh bụi cỏ lên bảng.  - Đây là cây gì?  - GV viết lên bảng tiếng cỏ  - GV chỉ tiếng cỏ  \* Phân tích  + GV che dấu hỏi ở tiếng cỏ rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này?  - GV chỉ vào chữ cỏ, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng co thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu hỏi chỉ thanh hỏi  - GV đọc : cỏ  - GV chỉ tiếng cỏ kết hợp hỏi: Tiếng cỏ gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại  \* Đánh vần.  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp.  - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng c-o-co-hỏi-cỏ.  *HĐ 2: Dạy tiếng cọ.*  - GV đưa tranh cây cọ lên bảng.  - Đây là cây gì?  - GV viết lên bảng tiếng cọ  \* Phân tích  + GV che dấu huyền ở tiếng cọ rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này?  - GV chỉ vào chữ cọ, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu nặng chỉ thanh nặng  - GV đọc : cọ  - GV: Tiếng cỏ khác tiếng cọ ở thanh gì?  \* Đánh vần tiếng cọ.  \* Củng cố:  - Các em vừa học dấu thanh mới là dấu gì?  - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng cỏ, cọ  **3. Luyện tập:**  *BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh hỏi?*  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh hỏi (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  *BT4: Đố em: Tìm tiếng có thanh nặng*  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh nặng (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh).  *BT 5. Tập đọc:*  a. Luyện đọc từ ngữ.  - GV trình chiếu tranh lên bảng lớp.  - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới nổi hình:  + GV chỉ hình 1 hỏi : Gà trống đang làm gì?  + GV chỉ chữ : ò...ó...o  + GV chỉ chữ.  - Làm tương tự với các hình khác.  - GV chỉ hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu HS đọc.  b. Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc lại : ò...ó...o, cò, ô, cổ  c. Thi đọc cả bài.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc cá nhân.  - GV cùng học sinh nhận xét  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 5 (dưới chân trang 15).  *BT 6: Luyện viết*  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu dấu hỏi và dấu nặng.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình viết:  - Cho HS viết trên khoảng không tiếng cỏ, cọ, cổ, cộ  - Cho HS viết bảng con  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT3,4 cùng người thân. Tìm thêm tiếng có thanh hỏi, thanh nặng. | - Hát.  - Thi nhau tìm tiếng có âm o, âm ô  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp:  - HS xung phong đọc:  - Có thêm dấu trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp:  - phân tích tiếng cỏ  - HS cả lớp nhắc lại  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) :  - HS quan sát  - HS : Đây là cây cọ  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp:  - HS trả lời, phân tích tiếng.  - HS cả lớp nhắc lại  - HS trả lời.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp):  - HS trả lời.  - HS đánh vần, đọc trơn.  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 14.  - HS lần lượt nói tên từng con vật:  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (tỏi, sỏi, mỏi, ...)  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 15.  - HS lần lượt nói tên từng con vật:  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (lợn, cặp, điện thoại, ...)  HS quan sát, trả lời câu hỏi.  -HS đọc (cá nhân – lớp)  - HS nghe  - Từng cặp lên thi đọc.  - Các tổ lên thi đọc.  - Hs xung phong lên thi đọc.  \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 4 chữ vừa học trong tuần:  - HS theo dõi  - HS quan sát  - HS viết lên khoảng không bằng ngón tay trỏ.  - HS viết trên bảng con từ 2-3 lần.  - HS khác nhận xét.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:Phần luyện tập ở BT3 GV cho HS làm CN ở vở BT sau đó đổi vở cho nhau để kiểm tra kết quả.**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4:

HĐTN

**LÀM QUEN VỚI BẠN MỚI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù.

- NL hiểu biết về bản thân và môi trường sống: Phấn khởi, mạnh dạn, tự tin khi làm quen, trò chuyện cùng các bạn trong lớp

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: Yêu trường, lớp.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, chú ý theo dõi, chơi trò chơi sôi nổi,có

**II. ĐỒ DÙNG DẠY –HỌC:**

- Tranh ảnh về khung cảnh buổi gặp gỡ của HS lớp 1 với các HS trong trường tiểu học

- Những bông hoa và những món quà nhỏ phục vụ cho các hoạt động 1 và 2

- Lựa chọn một số bài hát phù hợp với HS lớp 1

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu.**  GV cho HS chơi trò chơi Kết bạn.  **2. Hình thành kiến thức mới.**  Hoạt động 1: Giới thiệu và làm quen  - GV tổ chức cho  - GV làm mẫu: cầm một bông hoa giới thiệu về mình (họ tên, tuổi, sở thích, thói quen).  - GV mời em lớp trưởng tự giới thiệu về bản thân mình rồi tặng hoa cho bạn khác  - Trò chơi cứ thế tiếp diễn cho đến khi hết lượt HS trong lớp.  - GV có thể gọi bất kì một HS nào đó và yêu cầu em nói tên bạn bên cạnh hoặc tên bạn lớp trưởng hay tên cô giáo  - GV Kết luận  Trong lớp có nhiều bạn với những đặc điểm, tính cách, sở thích khác nhau. Việc tìm hiểu về cô giáo và các bạn trong cả lớp qua các hoạt động tự giới thiệu và nhận diện nhau giúp HS tự tin trước tập thể, bước đầu tạo những gắn kết trong mối quan hệ bạn bè  Hoạt động 2: Tìm bạn cùng sở thích  GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động “Tìm bạn cùng sở thích” như sau:  . GV hỏi để tìm đại diện một vài em với các sở thích khác nhau như: thích hát, thích múa, thích đá bóng, thích nhảy dây.  GV nêu hiệu lệnh “ Hãy về với bạn cùng sở thích với mình”.  - GV quan sát hoạt động của HS, giúp đỡ HS còn đang lúng túng chưa biết chọn bạn nào  -GV Kết luận  HS bước đầu biết thể hiện sở thích của mình khi tham gia vào hoạt động này và tìm được những người bạn có sở thích giống mình để cùng chia sẻ  **3. Vận dụng.**  - Các em về nhà có kết bạn với các bạn gần nhà hay các anh chị ở lớp trên. | -HS chơi  - HS tham gia hoạt động  - HS đứng thành vòng tròn,  - Lớp trưởng giới thiệu  - HS giới thiệu  HS tham gia hoạt động  - HS cùng nhau đứng ở một góc sân trường để thực hiện hoạt động  HS tự động di chuyển về phía bạn có cùng sở thích |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:...............................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiết 2.

TOÁN

**BÀI: CÁC SỐ 7, 8, 9**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1.Kiến thức, kĩ năng

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng , hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9

- Đọc, viết được các số 7, 8, 9.

2. Năng lực:

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc sử dụng các thẻ số để biểu thị số lượng.

-Phát triển năng lực mô hình hóa toán: Thông qua HS quan sát các hình ảnh trong sách để đếm số lượng.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tham gia chơi trò chơi sôi nổi, hứng thú.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi , máy tính, học liệu điện tử.

- Tranh tình huống

- Một số que tính, chấm tròn, hình tam giác; thẻ số từ 1 đến 9 trong bộ đồ dùng Toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của GV |
| **1. Mở đầu:**  - Cho HS hát bài” Đếm sao”  - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 14 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh.  - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh  - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp  - Giáo viên nhận xét.  - GV giới thiệu bài.  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *HĐ1. Hình thành các số 7, 8, 9.*  - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.  - Có mấy cái trống? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 7  - Có mấy máy bay? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 8.  - Có mấy ô tô? Mấy chấm tròn?  - Vậy ta có số mấy?  - GV giới thiệu số 9.  - GV yêu cầu học sinh lấy ra lần lượt số que tính theo yêu cầu.  - Giáo viên vỗ tay yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay  *HĐ2. Viết các số 7, 8, 9.*  \* Viết số 7  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết.  - GV cho học sinh viết bảng con  \* Viết số 8  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết.  - GV cho học sinh viết bảng con  \* Viết số 9  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết.  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV cho học sinh viết các số 7, 8, 9.  \* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó.  **3. Thực hành, luyện tập:**  *Bài 1. Số ?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm  *Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)*  - GV hướng dẫn HS làm mẫu  + Quan sát hình đầu tiên có mấy tam giác?  + 8 tam giác ghi số mấy?  - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:  + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng tam giác cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.  + Lấy số tam giác cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại  + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.  *Bài 3. Số ?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-9 và 9-1  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **4. Vận dụng:**  *Bài 4. Số ?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi  - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp  - GV cùng học sinh nhận xét  - Về nhà em hãy tập đếm các đồ vật có số lượng 7, 8, 9 | - Hát.  - HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm:  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  - Lắng nghe.  - HS làm việc nhóm đôi: - HS đếm số con mèo và số chấm tròn  - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại  - HS làm việc cá  - HS thực hiện.  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn.  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn.  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  - HS viết cá nhân  - HS lắng nghe  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - Hoạt động nhóm đôi  + Cá nhân  + Chia sẻ trong nhóm  + Chia sẻ trước lớp  + Cá nhân trả lời  + Ghi số  - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên lấy  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - Cá nhân làm bài  - HS thi đếm  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - Hoạt động nhóm  + Cá nhân  + Các nhóm lần lượt lên chia sẻ  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:.............................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

**TẬP VIẾT**

**BÀI:**  **O - Ô, CỎ - CỌ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các chữ o, ô, tiếng co, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ.

- Nắm được quy trình viết các con chữ, nắm được độ cao của từng con chữ, khoảng cách giữa các con chữ

- Ngồi viết đúng tư thế, biết cách cầm bút.

- Tô, viết đúng các chữ o, ô các tiếng co, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở Luyện viết 1, tập một.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- GV: Chữ mẫu. Tivi, máy tính, học liệu điện tử

- HS: Bảng con, phấn, vở tập viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho lớp hát 1 bài.  - Trò chơi: Gửi thư  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức, luyện tập:**  *HĐ 1: Đọc chữ o, co, ô, cô, cỏ, cọ, cổ, cộ*  - GV treo bảng phụ các chữ, tiếng và số cần viết.  - GV yêu cầu học sinh đọc  - GV nhận xét  *HĐ 2. Tập tô*  - Gọi học sinh đọc o, co, ô, cô  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng o, co, ô, cô.  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ ơ, cờ, d, da  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  *HĐ 3: Tập tô, tập viết:*  - Gọi học sinh đọc cỏ, cọ, cổ, cộ  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng cỏ, cọ, cổ, cộ  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ cỏ, cọ, cổ, cộ  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  **3. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân viết lại các chữ và số hôm nay vừa viết, xem trước bài 6. | - Hát  - HS chơi.  - Lắng nghe.  - HS quan sát  - HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng và số.  - Lắng nghe.  - 2 HS đọc  - 2 HS nói cách viết.  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - 2 HS đọc  - 3 HS nói cách viết:  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1.  -Nghe để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:...............................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ 4 ngày 18 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1, 2.

**TIẾNG VIỆT**

**Ơ, D (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái ơ, d

- Nắm được quy trình viết các con chữ, nắm được độ cao của từng con chữ, khoảng cách giữa các con chữ.

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm ơ, âm d

- Biết đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có ơ, d với các mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Viết đúng con các chữ ơ và d và tiếng cờ, da.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: HS yêu thiên nhiên, yêu và bảo vệ những cây cối.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- GV: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu, tivi, máy chiếu, học liệu điện tử.

- HS: Bộ ĐDDH, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho hs hát 1 bài.  - Trò chơi Hái táo  + GV gọi học đọc các chữ cỏ, cọ  + GV cho học sinh nhận xét bài đọc  - Giới thiệu bài  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *Hoạt động 1: Dạy âm ơ, chữ ơ*  - GV cho hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Đây là cái gì?  - GV ghi chữ cờ  - GV nhận xét  - GV viết bảng mô hình chữ cờ  - GV chỉ tiếng cờ và mô hình tiếng cờ  - GV hỏi: Tiếng cờ gồm những âm nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp đánh vần: Cờ - ơ- cơ – huyền – cờ  - Nhận xét  *Hoạt động 2. Dạy âm d, chữ d*  - GV trình chiếu chiếc cặp.  - Đây là cái gì?  - GV ghi chữ da  - GV nhận xét  \* Phân tích  - GV viết bảng mô hình chữ da  - GV chỉ tiếng da và mô hình tiếng da  - GV hỏi: Tiếng da gồm những âm nào?  \* Đánh vần tiếng da.  **3. Luyện tập:**  *BT2: Tiếng nào có âm ơ.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV đố học sinh tìm tiếng có âm ơ (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  *BT3: Tìm tiếng có âm d.*  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập.  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV đố học sinh tìm tiếng có âm d (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh). | - Hát  - HS tham gia trò chơi.  - Lắng nghe  - HS quan sát và trả lời.    - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: cờ  - Theo dõi.  - HS trả lời nối tiếp.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HSTL.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: da  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp.  - Cá nhân, tổ, lớp nối tiếp nhau đánh vần.  - HS lần lượt nói tên từng đồ vật:  - HS nói đồng thanh  - HS làm cá nhân nối ơ với từng hình chứa tiếng có âm ơ trong vở bài tập.  - HS nói to tiếng có âm ơ. HS nói thầm tiếng không có âm ơ.  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm ơ, nói thầm tiếng không có âm ơ.  - HS TL.  - HS theo dõi  - HS lần lượt nói tên từng con vật:  - HS nói đồng thanh (nói to, nói nhỏ)  - HS làm cá nhân nối d với từng hình chứa tiếng có âm d trong vở bài tập  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm d, nói thầm tiếng không có âm d.  - HS nói (dao, dạ, dinh...) |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| *BT4. Tập đọc*  *\**Luyện đọc từ ngữ.  - GV trình chiếu hình ảnh của bài Tập đọc.  - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới mỗi hình:  \* Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc mẫu 1 lần: cờ, cá cờ, da cá, cổ cò.  \* Thi đọc cả bài.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc cá nhân.  - GV cùng học sinh nhận xét  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 6(dưới chân trang 16).  *BT5:Tập viết*  *\**  Viết : ơ, d  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ơ, d cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ ơ, d  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết.  \* Viết cờ, da  - GV treo bảng chữ: cờ, da  - Mời HS đọc  - GV HD cách viết tiếng da.  \* Thực hành viết  - Cho HS viết bảng con  - GV nhận xét  - Cho HS viết chữ cờ, da  - GV nhận xét  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT3,4 cùng người thân, xem trước bài 7.  - GV khuyến khích HS tập viết chữ ơ, d trên bảng con. | -HS quan sát.  - HS đánh vần (hoặc đọc trơn)  - HS đọc (cá nhân – lớp).  - HS nghe  - Từng cặp lên thi đọc cả bài.  - Các tổ lên thi đọc cả bài.  - Hs xung phong lên thi đọc cả bài.  \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 4 chữ vừa học trong tuần.  - HS theo dõi  - HS viết chữ ơ, d lên khoảng không  - HS viết trên bảng con chữ ơ, d, 2-3 lần.  - HS đọc.  -HS quan sát.    - HS viết trên bảng con chữ cờ, da 2-3 lần.  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:........................................................................

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Thứ 5 ngày 20 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1,2.

TIẾNG VIỆT

**Đ, E**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái **đ, e**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **đ, e** với các mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Biết viết trên bảng con các chữ đ và e và tiếng đe. Nắm được quy trình viết các con chữ, nắm được độ cao của từng con chữ, khoảng cách giữa các con chữ.

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **đ**, âm **e**

- Viết đúng trên bảng con các chữ **đ, e** tiếng **đe.**

- Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tinh, học liệu điện tử.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập 5.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho hs hát 1 bài” ABC”  - GV kết nối bài học  - Giới thiệu bài  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *\* Dạy âm đ, e*  - GV đưa lên bảng cái đe  - Đây là cái gì?  - GV chỉ tiếng đe  - GV nhận xét  \* Phân tích  - GV giới thiệu về cái đe.  - GV viết bảng chữ đe và mô hình chữ đe  - GV chỉ tiếng đe và mô hình tiếng đe  đe  - GV hỏi: Tiếng đe gồm những âm nào?  \* Đánh vần.  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp đánh vần: đờ - e - đe  \* Củng cố:  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng đe  **3. Luyện tập:**  *BT2: Tiếng nào có âm đ (đờ)*  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm tiếng ngoài bài có âm đ  *Bài tập 3: Tìm tiếng có âm e*  - GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên tên từng sự vật.  - Cho HS làm bài trong vở Bài tập  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả  - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.  - GV đố học sinh tìm tiếng có âm c  **\* Củng cố**:  + Các em vừa học 2 chữ mới là chữ gì?  + Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - Y/c Hs ghép tiếng đe  - GV cùng HS nhận xét.  *BT4: Tập đọc*  \* Luyện đọc từ ngữ.  - GV hướng dẫn đọc từ dưới mỗi hình: đa, đò, đố, đổ, dẻ  + Giải nghĩa từ *đa, đò, dẻ.*  - GV chỉ hình theo các thứ tự đảo lộn  \*Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc mẫu 1 lần: đa, đò, đố, đổ, dẻ  \* Thi đọc cả bài.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp/tổ.  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc cá nhân.  - GV cùng học sinh nhận xét  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 7 (dưới chân trang 18).  *BT5: Tập viết ( BC)*  \*Viết : đ, e, đe  - Yêu cầu HS lấy bảng con. Nhắc lại tư thế ngồi viết và cách cầm bút.  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường đ, e cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ đ, e  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết.  \* Thực hành viết  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết đe  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT4,5 cùng người thân, xem trước bài 8  - GV khuyến khích HS tập viết chữ đ, e trên bảng con | - Hát.  - HS quan sát  - HS quan sát  -Trả lời.  - Cá nhân/tổ/lớp đọc tiếng.  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp.  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm theo từng tổ/CN/lớp  - Cá nhân trả lời  - HS đánh vần, đọc trơn:  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 18.  - HS lần lượt nói tên từng con vật.  - HS nói đồng thanh  - HS làm cá nhân.  - HS nói to tiếng có âm đ, nói thầm tiếng không có âm đ.  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói  - HS nói  - HS theo dõi  - HS lần lượt nói tên từng con vật.  - HS làm cá nhân trong vở bài tập  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp đồng thanh nói  - HSTL.  - Cá nhân trả lời  HS đánh vần (hoặc đọc trơn)  - HS đọc (cá nhân – lớp)  - HS đọc cá nhân  - HS nghe  - Từng cặp lên thi đọc cả bài  - Các tổ lên thi đọc cả bài  - Hs xung phong lên thi đọc cả bài  \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 6 chữ vừa học trong tuần: o, ô, ơ, d, đ, e.  - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi.  - HS viết chữ đ, e và tiếng đe lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ đ, e từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ đe từ 2-3 lần  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4.

CCKT

**ÔN ÂM D, Đ,E**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận diện được các chữ d, đ, e, các tiếng dẻ, da cá, đe, đa, đò, đố, đổ, dẻ

- Đọc và viết đúng dẻ, da cá, đe, đa, đò, đố, đổ, dẻ

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- GV: SGK.

HS: Bảng con, vở ô li.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.Mở đầu.**  - GV tổ chức trò chơi tìm tiếng  - GV phổ biến luật chơi  - GV nhận xét  **2. Thực hành, luyện tập.**  - Chép bài lên bảng  Da, dà, dá, dả, dã, dạ, d, da cá, đe, đa, đò, đố, đổ, dẻ  -Yêu cầu đánh vần , đọc trơn  -GV nhận xét, sửa sai.  - Đọc bài trong sách giáo khoa  - Quan sát nhận xét  3: Luyện viết  + Hướng dẫn bảng con  - GV viết mẫu:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |   Gv theo dõi và hỗ trợ cho một số em viết còn yếu.    **4. Vận dụng, dặn dò**  - Về nhà các em đọc viết lại những gì em học cùng người thân  Gv nhận xét tiết học | -HS chơi    - Đánh vần theo nhóm đôi và đồng thanh.  - Đọc cá nhân , nhómđôi, đồng thanh .    - Học sinh mở sách giáo khoa  - Đọc cá nhân  - HS viết bảng con d, da, dạ, da cá, dẻ,đe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:..........................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ 6 ngày 21 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1.

**TẬP VIẾT:**

**Ơ, D, Đ, E**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các chữ **ơ, d, đ, e**, các tiếng **cờ, da, đe**

- Nắm được quy trình viết các con chữ, nắm được độ cao của từng con chữ, khoảng cách giữa các con chữ.

- Ngồi đúng tư thế viết, cầm bút đúng cách.

- Tô, viết đúng các chữ **ơ, d, đ, e**, các tiếng **cờ, da, đe** – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét.

- Tô viết đúng các chữ số: **0, 1.**

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 6 (tập viết).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của GV |
| **1.Mở đầu:**  - Cho hs hát 1 bài.  - Trò chơi: Chiếc hộp kì diệu  - Giới thiệu bài:  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ ơ, d, đ, e, các tiếng cờ, da, đe  **2. Hình thành kiến thức, luyện tập:**  *\* Đọc chữ ơ, d, đ, e, cờ, da, đe, 0, 1*  - GV treo bảng phụ các chữ, tiếng và số cần viết.  - GV yêu cầu học sinh đọc.  - GV nhận xét  *\* Tập tô, tập viết : ơ, cờ, d, da*  - Gọi học sinh đọc ơ, cờ, d, da  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng ơ, cờ, d, da.  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  *\*Tập tô, tập viết : e, đ, đe*  - Gọi học sinh đọc e, đ, đe  - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng e, đ, đe  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn.  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ e, đ, đe  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  *\* Tập tô, tập viết các chữ số : 0, 1*  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng số vừa hướng dẫn.  - GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ 0, 1  - GV theo dõi, hỗ trợ HS  **3. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân viết lại các chữ và số hôm nay vừa viết, xem trước | - Hát  - 2 HS đọc  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng và số.  - 2 HS đọc  - 2 HS nói cách viết.  - Theo dõi.  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - 2 HS đọc  - 3 HS nói cách viết.  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.  - HS tô, viết vào vở Luyện viết 1  - Lắng nghe.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:............................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

KỂ CHUYỆN

**CHỒN CON ĐI HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực :

+ Năng lực ngôn ngữ:

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, không cần GV hỏi, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện..

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Trẻ em phải chăm học. Có học mới biết chữ, biết nhiều điều bổ ích.

+ Năng lực văn học:

- Nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Qua câu chuyện các em sẽ chăm chỉ học tập để biết đọc và biết viết.

- Phẩm chất nhân ái:Biết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Máy chiếu để chiếu 6 tranh minh họa chuyện.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của GV |
| **1. Mở đầu:**  - Cho hs múa hát.bài Đi học  - Thi đua kể chuyện:  + GV chỉ tranh 1, 2 minh họa truyện Hai con dê. Mời 2 HS lên kể lại.  + GV chỉ tranh 3, 4 minh họa truyện Hai con dê. Mời 2 HS lên kể lại  + Mời 1 HS kể toàn chuyện  + GV cho học sinh nhận xét  - Giới thiệu bài:  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ được nghe kể câu chuyện: Chồn con đi học.  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *HĐ1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện.*  - GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.  - GV giới thiệu tên truyện: Chồn con đi học.  - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  - GV HD HS: Để đoán đúng các em xem tranh1, Chồn con làm gì? Ở tranh 2, Nhím con đi học, Chồn có đi học không? Ở tranh 6, Chồn làm gì?  - GV giới thiệu: Câu chuyện Chồn con đi học kể về một chú Chồn lúc đầu rất lười học, chỉ thích rong chơi, nhưng về sau đã thay đổi. Vì sao Chồn lại thay đổi như vậy? Các em hãy lắng nghe câu chuyện.  - GV bật đoạn clip kể chuyện Chồn con đi học trong phần học liệu từ 2-3 lần.  **3. Luyện tập:**  *HĐ 1. Trả lời câu hỏi theo tranh.*  - GV chỉ tranh 1, hỏi: Vì sao Chồn con không tới trường?  - GV chỉ tranh 2, hỏi: Vì sao các bạn không ai đi chơi với Chồn con?  - GV chỉ tranh 3, hỏi: Chồn con bị lạc trong rừng, vì sao?  - GV chỉ tranh 4, hỏi: Vì sao Chồn con không tìm được đường về?  - Khi đó, Chồn vừa sợ vừa hối hận về điều gì?  - GV chỉ tranh 5, hỏi: Ai đã đưa Chồn con về nhà?  - GV chỉ tranh 6, hỏi: Sau chuyện đó, Chồn con đã thay đổi như thế nào?  - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh (Nội dung như trên).  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 tranh.  *HĐ2. Kể chuyện theo tranh.*  \* GV yêu cầu mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể  *\* Trò chơi : Ô cửa sổ.*  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (6 ô cửa sổ)  - GV cho HS chơi trò chơi trong thời gian 5-7 phút.  - GV mở cả 6 tranh yêu cầu HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  \* GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.  *HĐ3. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện*  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  \* GV kết luận: Câu chuyện khuyên các em phải chăm chỉ học hành, có học thì mới biết chữ, biết nhiều điều bổ ích. Không viết chữ sẽ rất tai hại, có thể gặp nguy hiểm như chú chồn con trong câu chuyện này.  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay.  **3. Vận dụng:**  - Tuyên dương những HS kể chuyện hay  - Về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện về chú chồn lúc đầu lười học, sau đã thay đổi vè đã hiểu ra: không biết chữ thì rất tai hại.  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện Hai chú gà. | - Hát  - 2 HS lên kể  - 2 HS lên kể  - HS xung phong.  - Lắng nghe  - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS quan sát chia sẻ theo cặp  - HS đoán ND: Chồn ham chơi không đi học. Sau đó nó đã đến trường.  - HS lắng nghe giới thiệu  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và quan sát tranh  - HS nối tiếp nhau trả lời.  - HS trả lời  - HS trả lời  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.  \* HS tự chọn 2 tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn.  - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.  - HS xung phong kể  \* HS xung phong lên kể chuyện  - HS trả lời.  \* HS lắng nghe.  - Cùng GV bình chọn bạn kể hay nhất.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:............................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiết 1.

TIẾNG VIỆT

**BÀI 9: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết thanh hỏi và dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng.

- Nhận diện được các chữ o, ô, ơ, d, đ, e, các tiếng co, cô, cỏ, cọ, cờ, da, đe.

- Biết ghép các âm đã học thành tiếng theo mô hình “âm đầu + âm chính”. Biết thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng để tạo tiếng mới.

- Đọc đúng bài tập đọc

- Tìm đúng từ ứng với mỗi hình.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghỉ trả lời, tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bảng ghép âm đầu + âm chính

- Vở Bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho hs múa hát.  - Giới thiệu bài  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài Ôn tập để củng cố lại tất cả các âm và chữ đã học.  **2. Luyện tập:**  *Bài tập 1:*  a. Ghép các âm đã học thành tiếng.  b. Thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng trên để tạo thành tiếng mới.  - GV chiếu lên bảng ghép âm và nêu yêu cầu của bài  - GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc.  - GV chỉ từng chữ (âm chính) ở hàng ngang.  - Gv chỉ chữ  - GV gọi HS đọc các từ vừa ghép  - GV cùng HS nhận xét  \* GV nêu Y/c phần b của bài  - GV HD mẫu: ca => cà, cả  - GV yêu cầu 4 HS nối tiếp nhau thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng ở dòng 1.  - GV cho HS làm theo nhóm các tiếng còn lại  - Gọi HS đọc các tiếng vừa tạo thành.  *Bài tập 2: Tập đọc*  \* Luyện đọc từ ngữ.  - GV chiếu lên bảng hình ảnh trong bài tập đọc.  - GV chỉ từng chữ trên bảng.  - GV giải nghĩa từ cố đô: Cố đô Huế là kinh đô cũ của Việt Nam.  - GV chỉ từng chữ.  - GV cùng HS nhận xét.  \*. Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc mẫu các từ : Cờ đỏ, cố đô, đồ cổ, đa.  - GV nhận xét.  \* Thi đọc cả bài.  - GV tổ chức cho HS đọc cả bài.  - GV cho HS lên thi đọc  - GV cùng HS nhận xét  *Bài tập 3. Tìm từ ứng với hình*  - GV trình chiếu hình ảnh lên bảng  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV chỉ từng từ trên bảng  - GV gọi HS lên bảng gắn từ dưới hình tương ứng.  - GV chỉ hình giải nghĩa từ:  + Cờ có 5 vòng tròn là cờ của Ô-lim-pích tượng trưng cho 5 châu.  + Cọ : cây cùng họ với cau, lá to xòe thường thấy mọc ở vùng trung du.  + Dẻ : là một loại hạt quả to bằng đầu ngón tay màu nâu ăn rất bùi và thơm  - GV cùng HS nhận xét bài chữa trên bảng  **3. Vận dụng:**  - GV nhận xét tiết học  - Về nhà chỉ hình nói cho người thân nghe những sự vật em mới biết qua bài Tập đọc hôm nay.  - Xem trước bài 10 : ê, l | - Hát.  - Lắng nghe  - Quan sát và nghe yêu cầu của bài.  - HS cả lớp đọc :  - HS cả lớp đọc :  - Cả lớp đồng thanh ghép từng tiếng theo cột ngang:  - HS đọc cá nhân - nhóm  - HS nhận xét bạn – nhóm bạn  \* 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài  - HS đọc tiếng mới vừa được tạo thành.  - HS làm bài :  - HS làm việc theo nhóm:  - HS đọc đồng thanh – cá nhận  - HS theo dõi  - HS đọc (cá nhân, bàn, tổ)  - HS nghe  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, bàn, tổ)  - HS đọc bài (cá nhân, cặp, tổ)  - HS thi đua lên đọc bài tập đọc  - HS quan sát  - 2 HS nhắc lại  - HS đọc (cá nhân, lớp): dẻ, đá, cọ, cờ  - HS ở dưới làm bài cá nhân vào vở  - Lắng nghe.  - HS cùng GV nhận xét.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:............................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2.

TOÁN

**SỐ O**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1.Kiến thức thức, kĩ năng:

- Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0.

- Đọc, viết số 0.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 9.

2. Năng lực:

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động đếm số lượng, nêu số tương ứng….

- Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc sử dụng các thẻ số để biểu thị số lượng.

-Phát triển năng lực mô hình hóa toán: Thông qua HS quan sát các hình ảnh trong sách để đếm số lượng.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tham gia chơi trờ chơi sôi nổi, hứng thú.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tranh tình huống, các thẻ số từ 0 – 9.

- Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu**.  Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 16.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm  **2. Hình thành kiến thức mới.**  a. Hình thành số 0.  \* Quan sát khung kiến thức.  - GV yêu cầu HS đếm số cá trong mỗi xô và đọc số tương ứng.  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số cá của mỗi bạn mèo.  \* Quan sát thêm một số tình huống xuất hiện số 0.  - GV trình chiếu hình ảnh 2 đĩa táo.  - Mỗi đĩa có mấy quả táo?  - Vậy ta có các số nào?  - GV làm tương tự với chiếc lọ có 5 cái kẹo, một chiếc không có cái kẹo nào.  \* Trò chơi: Tập tầm vông, tay không tay có.  - GV giới thiệu trò chơi:  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho HS chơi theo nhóm đôi.  b. Viết số 0  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :    + Số 0 cao 4 li ( 5 đường kẻ ngang). Gồm 1 nét. Nét viết chữ số 0 là nét cong kín (chiều cao gấp đôi chiều rộng).  + GV vừa viết vừa hướng dẫn  Chú ý: Nét cong kín có chiều cao gấp đôi chiều rộng.  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV nhận xét.  **3. Thực hành , luyện tập.**  Bài 1. a) Mỗi rổ có mấy con?  b)Mỗi hộp có mấy chiếc bút?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  Bài 2. Số ?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-9 và 9-0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  4. Vận dụng, dặn dò  Bài 3. Tìm số 0 trên mỗi đồ vật sau.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các đồ vật có số 0 mà em biết xung quanh mình.  - Người ta dùng số 0 trong các tình huống trên để biểu diễn điều gì?  - GV cùng HS nhận xét.  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Số 0 giống hình gì?  **4.Vận dụng.**  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 0 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số cá trong xô của mỗi bạn mèo và nói số cá của mỗi bạn:  + Bạn mèo thứ nhất có 3 con cá.  + Bạn mèo thứ hai có 2 con cá.  + Bạn mèo thứ ba có 1 con cá.  + Bạn mèo thứ tư có không có con cá nào.  - HS đếm và trả lời :  + Xô màu xanh nước biển có 3 con cá. Ta có số 3.  + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.  + Xô màu xanh lá cây có 1 con cá. Ta có số 1.  + Xô màu cam không có con cá nào. Ta có số 0.  - HS lần lượt lấy các tấm thẻ số 3, 2, 1, 0  - HS quan sát.  - Đĩa thứ nhất có 3 quả táo, đĩa thứ hai không có quả nào.  - Ta có số 3 và số 0.  - HS xác định số 5 và số 0  - Lắng nghe  - HS chơi thử 1 lần  - HS chơi trò chơi trong 3 phút.  - Học sinh theo dõi và quan sát  - Viết theo hướng dẫn  HS tập viết số 0  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số con chó bông có trong mỗi rổ đọc số tương ứng cho bạn :  a) 2, 1, 3, 0 con.  b) 5, 4, 0, 2 cái bút chì.  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 9 và đếm từ 9 đến 0.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm số 0 ở các đồ vật trong bài 3 rồi nói cho bạn nghe rồi đổi vai.  - HS kể :số 0 trên quạt điện, số 0 trên máy tính, số 0 trong bộ đồ dùng học toán.  - Biểu diễn không có gì ở đó |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:............................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tiết 3.

HĐTN

**HÁT VỀ TÌNH BẠN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1**. Năng lực đặc thù.

+ NL hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

- Tự đánh giá việc thực hiện phong trào “Đôi bạn cùng tiến”.

- Yêu quý, đoàn kết với bạn bè.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chú lắng nghe, trả lời các câu hỏi một cách tự tin.

- Phẩm chất nhân ái:Biết nhường nhịn nhau, giúp đỡ lẫn nhau.

**II. ĐỒ DÙNG – DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu.**  -GV cho hS bài Bốn phương trời  **2. Các bước sinh hoạt:**  2.1. Nhận xét trong tuần 1  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  2.2.Phương hướng tuần 2  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  2.3. Hát về tình bạn***.***  *a.Nhận xét, đánh giá việc thực hiện phong trào “Đôi bạn cùng tiến” của lớp:*  -GV tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi và chia sẻ với nhau về những việc bản thân đã làm được và những mong muốn tiếp tục thực hiện những việc làm đúng để cùng giúp đỡ nhau học tập.  - Gọi các nhóm lên chia sẻ trước lớp.  - Tuyên dương những tấm gương Đôi bạn cùng tiên ở trong lớp.  *b. Tổ chức cho HS hát về tình bạn:*  - GV lựa chọn và chuẩn bị một số video, đĩa nhạc về một số bài hát tình bạn.  Gợi ý: một số bài hát về tình bạn có thể chuẩn bị như: Chào người bạn mới đến (Sáng tác: Lương Bằng Vinh), Tình bạn tuổi thơ (Sáng tác: Kiều Hồng Phượng, Nguyễn Quốc Việt), Tình bạn (Sáng tác: Yên Lam).  - Tổ chức cho HS thi hát và biểu diễn giữa các tổ, nhóm.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS làm việc theo nhóm đôi  - Lần lượt các nhóm lên chia sẻ  - Lắng nghe.  - Nghe và lựa chọn bài hát  - HS lên trình diễn thi giữa các nhóm |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:............................................................................